

UBND QUẬN LONG BIÊN
PHÒNG Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 535/YT

Long Biên, ngày 26 tháng 11 năm 2024

V/v tự đánh giá công tác chăm
sóc sức khỏe học đường tại các
trường học

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục & Đào tạo quận;
- Các trường (MN, TH, THCS) công lập trên địa bàn quận.

Thực hiện Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 12/01/2023 về việc thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường trên địa bàn quận Long Biên giai đoạn 2022-2025;

Thực hiện Công văn số 2442/UBND-VP ngày 20/11/2024 của UBND quận Long Biên về việc thực hiện thông báo kết luận số 535/TB-VP ngày 18/11/2024 của Văn phòng UBND Thành phố Hà Nội (có bản chụp gửi kèm),

Từ đầu năm học đến nay, qua kết quả kiểm tra, giám sát của Đoàn kiểm tra liên ngành quận cho thấy công tác chăm sóc sức khỏe học đường tại một số trường học còn có tồn tại, hạn chế, chưa phản ánh đúng thực trạng hiện có.

Để có căn cứ tham mưu đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe học sinh đảm bảo đúng quy định của pháp luật, Phòng Y tế đề nghị Phòng Giáo dục & Đào tạo quận phối hợp chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận triển khai đánh giá thực hiện các tiêu chí của chương trình sức khỏe học đường (theo biểu đánh giá gửi kèm). Trong đó nội dung đánh giá phải đúng thực trạng hiện có của trường, báo cáo cụ thể các nội dung còn tồn tại, khó khăn, vướng mắc, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp, kiến nghị cụ thể.

Phòng Y tế đề nghị các trường (mầm non, tiểu học, THCS) công lập gửi báo cáo tự đánh giá (bản có dấu đỏ) về phòng Y tế quận trước ngày 30/11/2024 để tổng hợp báo cáo UBND quận./.

Nơi nhận:

- Đ/c Chủ tịch UBND quận;
- Đ/c Nguyễn Thị Thanh Hằng- (để BC)
- PCT UBND quận;
- Như trên; (để phối hợp thực hiện)
- Lưu: VT (02).



Lương Thị Minh Nguyệt

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ

Thực hiện “Chương trình Sức khỏe học đường tại các trường học trên địa bàn quận Long Biên giai đoạn 2022-2025” năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 12/01/2023 về việc thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường trên địa bàn quận Long Biên giai đoạn 2022-2025.

Tên cơ sở giáo dục:.....

Địa chỉ:.....phường.....,
quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Điện thoại:, email:.....

Tổng số lớp:....., tổng số HS:....., Tổng số GV:.....

I. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt	Ghi chú (Lý do không đạt)
I	Chăm sóc, bảo vệ và quản lý sức khỏe học sinh trong trường học			
1	Bảo đảm các điều kiện thực hiện công tác y tế trường học, chăm sóc sức khỏe cho học sinh theo quy định			
1.1	<i>Phòng y tế trường học</i>			
	Có phòng y tế riêng, bảo đảm diện tích để triển khai các hoạt động chuyên môn			
	Có vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu			
	Có ít nhất 01 giường khám bệnh và lưu bệnh nhân			
	Có bàn, ghế, tủ dụng cụ và thiết bị làm việc thông thường			
	Có thuốc thiết yếu phù hợp để phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe học sinh trong thời gian học tập và sinh hoạt tại trường			
	Có sổ khám bệnh, sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh, sổ theo dõi sức khỏe học sinh theo quy định			
1.2.	<i>Nhân viên YTTH</i>			
	Nhân viên YTTH có trình độ chuyên môn từ y sĩ trung cấp trở lên			

TT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt	Ghi chú (Lý do không đạt)
	Trường hợp trường học chưa có nhân viên y tế hoặc nhân viên y tế chưa đáp ứng trình độ chuyên môn theo quy định, các trường học ký hợp đồng với Trạm Y tế xã hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ hình thức phòng khám đa khoa trở lên để chăm sóc sức khỏe học sinh			
	Nhân viên y tế trường học phải được thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn y tế thông qua các hình thức hội thảo, tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn do ngành y tế, ngành giáo dục tổ chức để triển khai được các nhiệm vụ theo quy định			
2.	Thực hiện kiểm tra sức khỏe học sinh			
2.1	Đối với khối Mầm non			
	Thực hiện kiểm tra sức khỏe cho học sinh vào đầu năm học (đo chiều cao và cân nặng đối với trẻ dưới 36 tháng tuổi; đo chiều cao, cân nặng, huyết áp, nhịp tim, thị lực đối với trẻ từ 36 tháng tuổi trở lên)			
	Có đo chiều cao, cân nặng, ghi biểu đồ tăng trưởng, theo dõi sự phát triển thể lực cho trẻ em dưới 24 tháng tuổi mỗi tháng một lần, trẻ em trên 24 tháng tuổi mỗi quý một lần			
	Có theo dõi sức khỏe học sinh, suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì, bệnh răng miệng, dấu hiệu bất thường và các bệnh tật khác để xử trí, chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định và áp dụng chế độ học tập, rèn luyện phù hợp với tình trạng sức khỏe.			
	Có phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện để tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa cho học sinh			
	Thực hiện sơ cứu, cấp cứu (nếu có) theo quy định của Bộ Y tế			
	Có tư vấn cho giáo viên, cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh về các vấn đề liên quan đến bệnh tật, phát triển thể chất và tinh thần của học sinh; hướng			

TT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt	Ghi chú (Lý do không đạt)
	dẫn cho học sinh tự chăm sóc sức khỏe; trường hợp trong trường học có học sinh khuyết tật thì tư vấn, hỗ trợ cho học sinh khuyết tật hoà nhập			
	Có hướng dẫn tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, đa dạng thực phẩm, phù hợp với đối tượng và lứa tuổi			
	Có phối hợp với cơ sở y tế địa phương trong việc tổ chức các chiến dịch tiêm chủng, uống vắc xin phòng bệnh cho học sinh			
	Có thông báo định kỳ tối thiểu 01 lần/năm học và khi cần thiết về tình hình sức khoẻ của học sinh cho cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh			
	Có ghi chép đầy đủ vào sổ khám bệnh, sổ theo dõi sức khỏe học sinh, sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh			
	Thường xuyên kiểm tra, giám sát các điều kiện học tập, vệ sinh trường lớp, an toàn thực phẩm, cung cấp nước uống, xà phòng rửa tay			
	Chủ động triển khai các biện pháp và chế độ vệ sinh phòng, chống dịch theo quy định tại Thông tư số 46/2010/TT-BYT và các hướng dẫn khác của cơ quan y tế			
	Có tổ chức triển khai các chương trình y tế, phong trào vệ sinh phòng bệnh, tăng cường hoạt động thể lực, dinh dưỡng hợp lý			
2.2.	Đối với Khối Tiểu học, THCS			
	Có thực hiện kiểm tra sức khỏe cho học sinh vào đầu năm học, bao gồm: đo chiều cao, cân nặng, huyết áp, nhịp tim, thị lực.			
	Có theo dõi chỉ số khối cơ thể (BMI) và tình trạng dinh dưỡng của học sinh để tư vấn về dinh dưỡng hợp lý và hoạt động thể lực cho học sinh			
	Có thường xuyên theo dõi sức khỏe học sinh, phát hiện giảm thị lực, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng, rối loạn tâm sinh lý và các bệnh tật khác			

TT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt	Ghi chú (Lý do không đạt)
	để xử trí, chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định và áp dụng chế độ học tập, rèn luyện phù hợp với tình trạng sức khỏe			
	Có phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện để tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa cho học sinh			
	Thực hiện sơ cứu, cấp cứu (nếu có) theo quy định của Bộ Y tế			
	Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh tật, phát triển thể chất và tinh thần của học sinh cho giáo viên, cha mẹ hoặc người giám hộ; hướng dẫn cho học sinh biết tự chăm sóc sức khỏe; trường hợp trong trường học có học sinh khuyết tật thì tư vấn, hỗ trợ cho học sinh khuyết tật hoà nhập			
	Có hướng dẫn tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, đa dạng thực phẩm, phù hợp với đối tượng và lứa tuổi đối với các trường có học sinh nội trú, bán trú			
	Có phối hợp với cơ sở y tế địa phương trong việc tổ chức các chiến dịch tiêm chủng, uống vắc xin phòng bệnh			
	Thông báo định kỳ tối thiểu 01 lần/năm học và khi cần thiết về tình hình sức khoẻ của học sinh cho cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh			
	Có lập và ghi chép đầy đủ vào sổ khám bệnh, sổ theo dõi sức khỏe học sinh, sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh			
	Có thường xuyên kiểm tra, giám sát các điều kiện học tập, vệ sinh trường lớp, an toàn thực phẩm, cung cấp nước uống, xà phòng rửa tay			
	Có chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống dịch theo hướng dẫn tại Thông tư số 46/2010/TT-BYT ngày 29/12/2010 của Bộ Y tế và các hướng dẫn khác của cơ quan y tế			
	Có tổ chức triển khai các chương trình y tế, phong trào vệ sinh phòng bệnh, tăng cường hoạt động thể lực, dinh dưỡng hợp lý, phòng chống tác hại			

TT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt	Ghi chú (Lý do không đạt)
	thuốc lá, tác hại rượu bia			
3.	Học sinh tại các trường học có thể bảo hiểm y tế theo quy định			
4.	Thực hiện việc đánh giá phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ về bệnh không lây nhiễm, sức khỏe tâm thần cho học sinh			
5.	Trường học cung cấp đủ nước uống, nước sạch cho sinh hoạt và các hoạt động khác trong trường học bảo đảm chất lượng theo quy định			
5.1.	<i>Đối với khối Mầm non</i>			
	Nước uống bảo đảm tối thiểu bình quân mỗi học sinh trong một ca học có 0,5 lít về mùa hè và 0,3 lít về mùa đông			
	Nước sinh hoạt bảo đảm tối thiểu 4 lít cho một học sinh trong một ca học; nếu dùng hệ thống cấp nước bằng đường ống thì mỗi vòi sử dụng tối đa cho 200 học sinh trong một ca học			
	Khu nội trú của trường học có đủ nước sạch để học sinh sử dụng trong ăn uống và sinh hoạt hằng ngày, bảo đảm tối thiểu 100 lít cho một học sinh trong 24 giờ			
	Chất lượng nước bảo đảm theo các quy định của Bộ Y tế			
	Giếng nước, bể nước, chum, vại nước (nếu có) có nắp đậy, độ cao bảo đảm an toàn cho trẻ khi sử dụng theo quy định			
5.2	<i>Đối với Khối Tiểu học, THCS</i>			
	Nước uống bảo đảm tối thiểu bình quân mỗi học sinh trong một ca học có 0,5 lít về mùa hè và 0,3 lít về mùa đông			
	Nước sinh hoạt bảo đảm tối thiểu 4 lít cho một học sinh trong một ca học; nếu dùng hệ thống cấp nước bằng đường ống thì mỗi vòi sử dụng tối đa cho 200 học sinh trong một ca học			
	Khu nội trú của trường học có đủ nước sạch để học sinh sử dụng trong ăn uống và sinh hoạt hằng ngày, bảo đảm tối thiểu 100 lít cho một học sinh trong			

TT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt	Ghi chú (Lý do không đạt)
	24 giờ			
	Chất lượng nước bảo đảm theo các quy định của Bộ Y tế			
	Giếng nước, bể nước, chum, vại nước (nếu có) có nắp đậy, độ cao bảo đảm an toàn cho trẻ khi sử dụng theo quy định			
6.	Trường học có nhà vệ sinh cho học sinh theo quy định và bảo đảm điều kiện hợp vệ sinh			
6.1	Đối với khối Mầm non			
	Phòng vệ sinh khép kín với phòng sinh hoạt chung và phòng ngủ hoặc liền kề với nhóm lớp; riêng cho trẻ và giáo viên, riêng nam và nữ			
	Bảo đảm diện tích từ 0,4 m ² /trẻ - 0,6 m ² /trẻ nhưng không nhỏ hơn 12 m ² /phòng			
	Có vách ngăn cao 1,2m giữa chỗ đi tiểu và bồn cầu			
	Kích thước mỗi ô đặt bệ xí 0,8m x 0,7m			
	Bố trí từ 2 -3 tiểu treo dùng cho trẻ em nam và từ 2 - 3 xí bệt dùng cho trẻ em nữ			
	Khu vực rửa tay của trẻ được bố trí riêng, bảo đảm 8 - 10 trẻ/ chậu rửa, có xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn khác			
	Trang thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi			
6.2	Đối với khối Tiểu học, THCS			
	Khu vệ sinh được bố trí hợp lý, đáp ứng yêu cầu sử dụng của học sinh và giáo viên, không làm ô nhiễm môi trường			
	Có khu vực vệ sinh riêng cho học sinh và giáo viên, riêng biệt cho nam và nữ			
	Mỗi khu vệ sinh nhà tiêu, nhà tiểu, khu rửa tay có nước sạch, xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn			
	Loại hình nhà tiêu sử dụng bảo đảm các yêu cầu về xây dựng, sử dụng và bảo quản theo quy định của Bộ Y tế (QCVN 01: 2011/BYT)			
	Số lượng thiết bị: 01 tiểu nam, 01 xí và			

TT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt	Ghi chú (Lý do không đạt)
	01 chậu rửa cho từ 20-30 học sinh. Đối với học sinh nữ tối đa 20 học sinh/1 chậu xí.			
	Lối vào khu vệ sinh không được đối diện với lối vào phòng học, phòng bộ môn. Chiều cao lắp đặt các thiết bị vệ sinh phù hợp với nhu cầu sử dụng và lứa tuổi học sinh			
	Có bảng nội quy nhà vệ sinh			
	Tuỳ theo loại nhà tiêu mà đảm bảo đủ chất độn, nước dội, giấy vệ sinh, thùng rác hợp vệ sinh			
7.	Trường học đạt tiêu chuẩn trường học an toàn			
7.1	Đối với cấp MN			
	Địa điểm, quy mô, diện tích, các khối phòng, khối phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đạt mức tiêu chuẩn tối thiểu về cơ sở vật chất theo quy định.			
	Khuôn viên ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ; công trường đảm bảo kiên cố, vững chắc, có biển tên và đóng mở theo giờ quy định.			
	Sân chơi bằng phẳng, không trơn trượt; có hệ thống biển chỉ dẫn các vị trí, khu vực vui chơi bằng ký hiệu phù hợp với nhận thức của trẻ.			
	Hệ thống cây xanh phù hợp cảnh quan, tạo bóng mát; cây cô thụ được gia cố, chặt, tía bảo đảm an toàn, tránh gãy đổ.			
	Hệ thống bồn hoa, bồn cây không có góc cạnh sắc nhọn; chậu hoa, cây cảnh đặt ở vị trí an toàn, chắc chắn; không trồng cây có quả vỏ cứng, hoa, quả có nhựa độc, gai sắc hoặc thu hút ruồi, muỗi.			
	Hệ thống chứa nước (giếng, bể, bồn...) có nắp đậy, khóa chắc chắn; có cửa hoặc rào chắn ở lối ra các khu vực như kênh, mương, suối, ao, hồ, hố sâu, bể bơi (nếu có).			
	Hệ thống cống, rãnh bảo đảm kín, không rò rỉ, ú đọng gây ô nhiễm môi trường; khu thu gom rác thải bố trí độc lập, có lối ra vào riêng cách xa các khối phòng chức năng; bảo đảm thu			

TT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt	Ghi chú (Lý do không đạt)
	gom rác thải đúng quy định.			
	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy được nghiệm thu; thiết bị phòng cháy chữa cháy được kiểm định theo quy định và bảo đảm hoạt động bình thường.			
	Hệ thống cửa (ra vào, cửa sổ) có móc cố định khi cửa mở; cửa sổ có chấn song chắc chắn, an toàn; cửa ra vào của nhóm trẻ có thanh chắn an toàn.			
	Góc chơi bố trí phù hợp với diện tích phòng, nhóm/lớp, an toàn và thuận tiện cho trẻ hoạt động; không bố trí góc chơi ở khu vực cửa ra vào và cửa nhà vệ sinh.			
	Dây điện, ổ cắm điện, ăng-ten tivi, cầu chì, công tắc...được đặt ở nơi trẻ không với tới (độ cao lớn hơn 1,50 m tính từ mặt sàn) hoặc có hộp/nắp/lưới an toàn.			
	Lan can, hiên chơi thiết kế đúng quy định (chiều cao lớn hơn 1m, sử dụng các thanh đứng với khoảng cách nhỏ hơn 10 cm, không làm các thanh phân chia ngang) hoặc được gia cố chắc chắn, đảm bảo an toàn; không kê bàn ghế và đồ dùng ở khu vực lan can.			
	Cầu thang có tay vịn, bậc thang thiết kế đúng quy định, dễ sử dụng đối với trẻ; thang máy, thang vận chuyển thực phẩm (nếu có) có cửa, khóa bảo đảm an toàn.			
	Đồ chơi ngoài trời bố trí ở vị trí an toàn, bảo đảm trẻ dễ sử dụng; không sử dụng những đồ chơi đã gãy, hỏng có nguy cơ mất an toàn với trẻ.			
	Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi sắp xếp khoa học, phù hợp với độ tuổi, thân thiện, thuận tiện cho trẻ tiếp cận sử dụng; hệ thống tủ, giá, kệ... được kê xếp an toàn, có vít/chốt cố định.			
	Bình chứa nước uống, tủ/giá đựng ca cốc được bố trí tại khu vực trẻ dễ lấy, dễ cất và an toàn khi sử dụng.			
	Các đồ dùng, giáo cụ trực quan dễ gây mất an toàn (dao, kéo, hạt hạt,...) chỉ cho trẻ sử dụng khi có sự hướng dẫn, giám sát của giáo viên.			

TT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt	Ghi chú (Lý do không đạt)
7.2	Cấp TH, THCS			
	Khuôn viên nhà trường được ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ; cổng trường, tường, rào bảo đảm kiên cố, có biển tên và đóng mở theo giờ quy định.			
	Địa điểm, diện tích, các khối phòng, khối phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đạt mức tiêu chuẩn tối thiểu về cơ sở vật chất theo quy định. Sân chơi bằng phẳng, không trơn trượt. Nhà tập luyện đa năng (nếu có), khu tập luyện thể thao ngoài trời không ảnh hưởng đến hoạt động của khu vực phòng học. Có lối đi riêng dành cho người học khuyết tật vận động (nếu trường có người học khuyết tật vận động).			
	Hệ thống cửa chắc chắn, có móc và được cố định khi cửa mở; cửa sổ có chấn song chắc chắn, an toàn.			
	Hệ thống điện, các thiết bị phục vụ công tác giảng dạy, học tập trong phòng học và các thiết bị khác (quạt điện, máy chiếu, tivi, amply, điều hòa...) được lắp đặt ở vị trí phù hợp, an toàn.			
	Hiên chơi, lan can, cầu thang theo đúng tiêu chuẩn quy định; không để bàn ghế và đồ dùng ở khu vực hiên chơi, lan can. Thang máy, thang vận chuyển thực phẩm (nếu có) có cửa, khóa bảo đảm an toàn.			
	Hệ thống cây xanh phù hợp cảnh quan, tạo bóng mát; cây to, cây cổ thụ được gia cố, chặt, tỉa bảo đảm an toàn. Bồn hoa, bồn cây không có góc cạnh sắc nhọn; chậu hoa, cây cảnh đặt ở vị trí an toàn, chắc chắn; không trồng cây có nguy cơ gây độc, gai sắc.			
	Hệ thống ao, hồ, bể bơi trong nhà trường (nếu có) phải được rào chắn và có biển cảnh báo nguy hiểm.			
	Thiết bị, tài liệu, học liệu dạy học phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lý người học; không chứa nội dung kích động bạo lực, kì thị giới tính, tôn giáo, trái			

TT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt	Ghi chú (Lý do không đạt)
	thuần phong mỹ tục.			
	Thiết bị thực hành, thí nghiệm và dụng cụ, thiết bị tập luyện thể dục, thể thao, trò chơi được bảo đảm an toàn, chắc chắn, loại bỏ nguy cơ gây tai nạn khi sử dụng.			
8.	Phòng học đạt yêu cầu về chiếu sáng			
8.1	Đối với khối Mầm non			
	Phòng sinh hoạt chung, phòng tắm rửa, phòng vệ sinh, hiên chơi, nhà bếp được chiếu sáng tự nhiên, trực tiếp			
	Tỷ lệ diện tích cửa sổ với diện tích sàn của các phòng không nhỏ hơn 1/5			
	Chiếu sáng nhân tạo ở hành lang, cầu thang bảo đảm không nhỏ hơn 100 Lux, các phòng khác bảo đảm không nhỏ hơn 300 Lux			
8.2.	Đối với khối Tiểu học, THCS			
8.2.1	Chiếu sáng phòng học			
	Hướng lấy ánh sáng tự nhiên là hướng nam hoặc đông nam (cửa sổ ở phía không có hành lang) về phía tay trái của học sinh khi ngồi học; tỷ lệ tổng diện tích cửa sổ (vùng lấy ánh sáng) trên diện tích phòng học không dưới 1/5			
	Phòng học có hệ thống chiếu sáng nhân tạo, các bóng đèn có chụp chống lóa; bóng đèn trên trần treo thấp hơn quạt trần, thành dây song song với tường có cửa sổ, cách tường từ 1,2 đến 1,5m, có công tắc riêng cho từng dãy			
	Vùng học tập có hệ số chiếu sáng đồng đều và không dưới 1/2, độ rọi không dưới 300 Lux			
	Đèn chiếu sáng bảng được lắp đặt song song với tường treo bảng, cách tường 0,6m và cao hơn mép trên của bảng 0,3m			
8.2.2	Chiếu sáng phòng học bộ môn vật lý, hoá học, sinh học			
	Bảo đảm các yêu cầu về chiếu sáng; hướng lấy ánh sáng tự nhiên từ phía tay trái khi học sinh ngồi hướng lên bảng; sử dụng hệ thống chiếu sáng nhân tạo hỗn hợp (chiếu sáng chung và			

TT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt	Ghi chú (Lý do không đạt)
	chiếu sáng cục bộ); độ rọi trên mặt phẳng làm việc không dưới 300 Lux			
8.2.3	<i>Chiếu sáng phòng học bộ môn công nghệ thông tin</i>			
	Chiếu sáng trên bàn máy tính không dưới 300 Lux			
9	Trường học bố trí bàn ghế bảo đảm cỡ số theo nhóm chiều cao của học sinh, phù hợp cho học sinh khuyết tật			
9.1	<i>Đối với khối Mầm non</i>			
	Sử dụng bàn ghế 2 chỗ ngồi (hoặc 4 chỗ ngồi), mặt bàn phẳng, nằm ngang, ghế rời có tựa lưng			
	Có đủ 3 cỡ bàn ghế A, B, C tương ứng với nhóm tuổi của trẻ theo quy định			
	Chiều cao bàn, ghế phù hợp với chiều cao của trẻ, khoảng cách giữa chiều cao bàn và mặt ghế ngồi không thấp hơn 220mm và không cao hơn 270mm			
	Chiều cao bàn, ghế phù hợp với chiều cao của trẻ, khoảng cách giữa chiều cao bàn và mặt ghế ngồi không thấp hơn 220mm và không cao hơn 270mm			
9.2.	<i>Đối với khối Tiểu học, THCS</i>			
9.2.1	<i>Bàn ghế phòng học</i>			
	Sử dụng bàn ghế không quá 2 chỗ ngồi, bàn và ghế rời nhau, các góc cạnh nhẵn và an toàn			
	Có đủ 6 cỡ bàn ghế I, II, III, IV, V, VI tương ứng với chiều cao của học sinh theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2011/BGD&ĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2011 về hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung học phổ thông và được kê theo đúng quy định			
9.2.2	<i>Bàn ghế phòng học bộ môn vật lý, hoá học, sinh học</i>			
	Là loại chuyên dụng, đáp ứng được các yêu cầu đặc thù của bộ môn, có hệ thống điện, nước, khí ga theo yêu cầu sử dụng, đảm bảo an toàn cho học sinh khi tiến hành làm thí nghiệm			
9.2.3	<i>Bàn ghế phòng học bộ môn công nghệ</i>			

TT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt	Ghi chú (Lý do không đạt)
	<i>thông tin</i>			
	Là loại chuyên dụng, đáp ứng được các yêu cầu đặc thù của bộ môn			
9.2.4	<i>Bảng phòng học, phòng học bộ môn</i>			
	Sử dụng bảng chống loá và đảm bảo độ tương phản giữa nền bảng và chữ viết			
	Chiều cao của bảng từ 1,2m - 1,5m, chiều rộng bảng không quá 3,2m, phù hợp với chiều rộng phòng học và được treo theo đúng quy định			
	Bảng có màu xanh lá cây hoặc màu đen (nếu viết bằng phấn trắng), màu trắng (nếu viết bằng bút dạ màu đen)			
	Bảng treo ở giữa tường, mép dưới bảng cách nền phòng học từ 0,8m đến 1m			
II	Công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học			
1.	Đối với các trường mầm non			
	Trường học bố trí ít nhất 01 khu vực bảo đảm các trang thiết bị, dụng cụ cần thiết dành cho giáo dục thể chất và hoạt động thể thao theo quy định			
	Tổ chức tốt các hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho học sinh phù hợp với độ tuổi. Sử dụng hiệu quả môi trường thiên nhiên ngoài trời trong quá trình giáo dục thể chất. Khuyến khích các trường có điều kiện tổ chức hoạt động ngoại khóa tăng cường giáo dục thể chất cho học sinh			
	Giáo viên các trường mầm non được tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ			
2.	Đối với các trường tiểu học, phổ thông			
	Trường học bố trí ít nhất 01 khu vực bảo đảm các trang thiết bị, dụng cụ cần thiết dành cho giáo dục thể chất và hoạt động thể thao theo quy định.			
	Tổ chức hoạt động vận động thể lực phù hợp cho học sinh thông qua các hoạt động thể thao ngoại khóa, hình thức câu lạc bộ thể thao.			
	Tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại			

TT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt	Ghi chú (Lý do không đạt)
	thể lực học sinh theo quy định (đối với các trường học phổ thông).			
	Định kì tổ chức thi đấu thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.			
	Có đủ giáo viên giáo dục thể chất được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ (đối với các trường học phổ thông)			
III	Tổ chức bữa ăn học đường, bảo đảm dinh dưỡng hợp lý trong trường học			
1	Trường học tổ chức các hoạt động giáo dục dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm lành mạnh, an toàn cho học sinh thông qua các giờ học chính khoá, hoạt động ngoại khoá.			
2	Trường học có tổ chức bữa ăn học đường và căng tin trường học (trường phổ thông), bếp ăn (trường mầm non và tiểu học) bảo đảm các điều kiện về vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định, trong đó 70% các trường học xây dựng thực đơn đáp ứng nhu cầu theo khuyến nghị của Bộ Y tế về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi và đa dạng thực phẩm.			
2.1	<i>Nhà ăn, căng tin</i>			
	Thông thoáng, đủ ánh sáng, cửa sổ có lưới chống chuột, ruồi nhặng, côn trùng			
	Tường, trần nhà bằng phẳng, nhẵn, thuận tiện làm vệ sinh			
	Bàn, ghế, dụng cụ, phương tiện làm bằng vật liệu dễ cọ rửa			
	Khu vực ăn uống thoáng mát, đủ bàn ghế và các trang thiết bị để ngăn côn trùng			
	Dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn uống được làm bằng vật liệu dễ làm vệ sinh và không thôi nhiễm yếu tố độc hại			
	Có phương tiện bảo quản, lưu giữ thực phẩm			
	Có đủ phương tiện, trang thiết bị phục vụ làm vệ sinh, khử trùng			
	Có nguồn nước sạch và chỗ rửa tay với			

TT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt	Ghi chú (Lý do không đạt)
	xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn			
2.2	<i>Nhà bếp</i>			
	Có khu sơ chế nguyên liệu, khu chế biến nấu nướng, khu bảo quản thức ăn; khu ăn uống, kho nguyên liệu, bảo quản thực phẩm			
	Nơi chế biến thức ăn được thiết kế theo nguyên tắc 1 chiều, có đủ dụng cụ chế biến, bảo quản, sử dụng riêng đối với thực phẩm sống và thức ăn chín			
	Có lưu mẫu thức ăn theo quy định			
	Đối với các trường không tự cung cấp thức ăn: Có ký hợp đồng với các cơ sở có giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm để cung cấp suất ăn cho học sinh			
2.3	<i>Kho chứa thực phẩm</i>			
	Bảo đảm lưu thông không khí, đủ ánh sáng, cửa sổ có lưới chống chuột và côn trùng			
	Tường, trần nhà, sàn nhà nhẵn, bằng phẳng, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng			
	Có phương tiện, dụng cụ để phân loại, bảo quản và lưu giữ thực phẩm			
2.4	<i>Người làm việc tại nhà ăn, căng tin</i>			
	Có giấy chứng nhận tập huấn về an toàn thực phẩm			
	Có giấy chứng nhận sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế			
	Người trực tiếp làm việc tại nhà ăn, nhà bếp mặc trang phục bảo hộ riêng, đội mũ, đi găng tay chuyên dụng, đeo khẩu trang			
3.	Trường học có tổ chức bữa ăn học đường sử dụng sữa và các sản phẩm từ sữa trong bữa ăn học đường đạt chuẩn theo quy định			
IV	Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe học đường trong trường học			
1	100% học sinh được tuyên truyền, giáo dục về sức khỏe và nâng cao kiến thức phòng, chống bệnh, tật học đường; bệnh không lây nhiễm và sức khỏe tâm thần; được giáo dục về dinh dưỡng hợp lí, thực phẩm lành mạnh, an toàn.			

TT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt	Ghi chú (Lý do không đạt)
2	100% học sinh phổ thông được phổ biến, tư vấn về sức khỏe tâm thần, tâm sinh lý lứa tuổi.			
3	100% cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên y tế trường học được tập huấn về chăm sóc, bảo vệ và quản lý sức khỏe học sinh trong trường học			
V	Ứng dụng công nghệ thông tin vào chăm sóc, bảo vệ, quản lý sức khỏe học sinh và thống kê, báo cáo trong trường học			
1	Ứng dụng, triển khai hiệu quả phần mềm quản lý, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng, thống kê sức khỏe học sinh.			
2	Triển khai phần mềm xây dựng thực đơn cho học sinh (đối với trường học có tổ chức bữa ăn học đường).			
3	Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên y tế trường học được tập huấn để sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý, theo dõi và thống kê về sức khỏe học sinh trong trường học			



II. TÒN TẠI-HẠN CHẾ

.....

III. KIẾN NGHỊ-ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

.....

Nơi nhận:

HIỆU TRƯỞNG
 (Ký tên, đóng dấu)

